

Số: *1103* /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *28* tháng *6* năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Yên Bái
giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Yên Bái về tăng cường thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Bái khoá XIX về phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 28-NQ/TU ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Bái khoá XIX về phát triển du lịch tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Tỉnh ủy Yên Bái về phát triển công nghiệp tỉnh Yên Bái theo hướng bền vững, hiệu quả và thân thiện với môi trường giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TU ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Tỉnh ủy Yên Bái về phát triển ngành dịch vụ tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Kết luận số 286-KL/TU ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Thường trực Tỉnh ủy Yên Bái về các giải pháp, nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh; Kết luận số 660-KL/TU ngày 15/6/2023 Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 41/TTr-SKHĐT ngày 28 tháng 4 năm 2023.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 (Đề án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông minh tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, TKTH. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



*** Trần Huy Tuấn**



ĐỀ ÁN

Thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Phần mở đầu

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong thời gian qua, quy mô, chất lượng thu hút đầu tư đã từng bước được nâng lên, đã thu hút được một số nhà đầu tư lớn, có năng lực, tiềm lực tài chính. Những kết quả thu hút đầu tư đã đóng góp quan trọng, tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động và đóng góp ngày càng cao vào thu ngân sách của tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác thu hút đầu tư và triển khai thực hiện các dự án đầu tư trong thời gian qua vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Quy mô, chất lượng thu hút đầu tư còn hạn chế, nhất là các ngành nghề cao, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh, như: chế biến các sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản; chế biến sâu khoáng sản; phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; thương mại dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch,...; nhiều dự án tiến độ thực hiện chậm so với tiến độ đã cam kết; đóng góp vào phát triển kinh tế chung của tỉnh còn hạn chế. Bên cạnh đó, công tác quản lý nhà nước về đầu tư cũng còn nhiều hạn chế, bất cập; môi trường đầu tư kinh doanh chưa được cải thiện rõ nét; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) chưa có bước đột phá; công tác xúc tiến, kêu gọi các dự án đầu tư còn thụ động, chưa hiệu quả; đầu tư hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư còn chưa được quan tâm đầu tư thỏa đáng; hạ tầng các khu, cụm công nghiệp còn chưa đồng bộ; công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư còn chưa thực sự hiệu quả; việc giải quyết thủ tục hành chính liên quan đầu tư chưa thực sự thuận lợi,...

Do đó, việc xây dựng "**Đề án thu hút đầu tư tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030**" là cần thiết, nhằm đánh giá thực trạng thu hút đầu tư hiện nay, chỉ ra những mặt được, những hạn chế, yếu kém trong công tác thu hút đầu tư, từ đó đề xuất các giải pháp đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả thu hút trong thời gian tới.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025;

Chương trình hành động số 135-CTr/TU ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Tỉnh ủy Yên Bái lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2023;

Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Yên Bái về tăng cường thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Bái khoá XIX về phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025;

Nghị quyết số 28-NQ/TU ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Bái khoá XIX về phát triển du lịch tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030;

Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Tỉnh ủy Yên Bái về phát triển công nghiệp tỉnh Yên Bái theo hướng bền vững, hiệu quả và thân thiện với môi trường giai đoạn 2021-2025;

Nghị quyết số 30-NQ/TU ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Tỉnh ủy Yên Bái về phát triển ngành dịch vụ tỉnh Yên Bái;

Kết luận số 586-KL/TU ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Thường trực Tỉnh ủy Yên Bái về các giải pháp, nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh;

Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 14/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về quy định chính sách hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2020-2025;

Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025;

Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số chính sách về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025;

Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025;

Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Các quy hoạch và tài liệu khác liên quan.

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT CÁC TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI GIAI ĐOẠN 2020-2022

I. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT CÁC TIỀM NĂNG TÁC ĐỘNG ĐẾN THU HÚT ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI

1. Vị trí và mối liên hệ vùng: Yên Bái là tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Với vị trí địa lý là cửa ngõ miền Tây Bắc, nằm trên trung điểm hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, có hệ thống giao thông tương đối đa dạng đã tạo điều kiện và cơ hội thuận lợi để Yên Bái tăng cường hội nhập và giao lưu kinh tế thương mại, phát triển văn hóa xã hội,... không chỉ với các tỉnh trong vùng, các trung tâm kinh tế lớn trong cả nước mà còn cả trong giao lưu kinh tế quốc tế, đặc biệt là với các tỉnh phía Tây Nam của Trung Quốc và các nước trong khối ASEAN.

2. Tài nguyên thiên nhiên

- Về đất đai: Đất đai tỉnh Yên Bái khá phong phú, trong đó: Đất xám thích hợp trồng cây nông nghiệp, công nghiệp ở vùng thấp và trồng rừng tập trung nhiều nhất ở các huyện Văn Yên, Văn Chấn, Mù Cang Chải. Đất mùn thích hợp trồng cây dược liệu tập trung nhiều ở các huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Văn Chấn. Đất phù sa được khai thác trồng lúa, cây màu các loại, phù hợp để phát triển nông nghiệp tập trung nhiều tại các huyện Văn Chấn, Văn Yên, Trấn Yên, Lục Yên, Yên Bình.

- Tài nguyên nước: Hệ thống sông, ngòi, hồ, đầm,... và nước ngầm của Yên Bái rất dồi dào, chất lượng nước tương đối tốt, ít bị ô nhiễm, có giá trị rất lớn trong phát triển kinh tế xã - hội, đáp ứng đủ nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, khai thác nước mặt sản xuất thủy điện, dịch vụ du lịch, đời sống và nhiều lĩnh vực khác.

- Tài nguyên rừng: Diện tích rừng tỉnh Yên Bái năm 2020 là 463.341,3 ha, tổng trữ lượng trên 30,6 triệu m³ gỗ tập trung chủ yếu ở các huyện: Văn Yên, Văn Chấn, Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Trấn Yên, Yên Bình và Lục Yên. Tài nguyên rừng của Yên Bái, đặc biệt là gỗ rừng trồng sản xuất là nguồn nguyên liệu rất dồi dào, phong phú để tập trung thu hút đầu tư chế biến lâm sản xuất khẩu, chất lượng cao; gắn với phát triển bền vững nguồn nguyên liệu.

- Tài nguyên khoáng sản: Nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú và đa dạng, bao gồm các loại khoáng sản: nhiên liệu (than các loại), khoáng sản kim loại (sắt, đồng, chì - kẽm, vàng,...), khoáng sản không kim loại (kaolin, fenspat, thạch anh, grafit, talc, đá vôi trắng, đá làm vật liệu xây dựng, cát, sỏi...), khoáng sản quý hiếm (đá quý các loại), nước khoáng, nước nóng. Đến nay, có khoảng 300 khu vực mỏ khoáng sản đã được cấp phép thăm dò, khai thác, trong đó: một số loại khoáng sản có trữ lượng lớn, có giá trị kinh tế cao, đã được khai thác như: Quặng sắt, chì - kẽm, đá vôi, đá vôi trắng (đá hoa trắng), kaolin và fenspat, đá quý, đá bán quý; một số loại khoáng sản chưa khai thác hết tiềm năng như: Quặng vàng, đất hiếm, thạch anh; nước nóng và nước khoáng,...

3. Tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa

Yên Bái có nguồn tài nguyên du lịch khá phong phú, hấp dẫn cả về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa.

- Tài nguyên du lịch tự nhiên: Cảnh quan thiên nhiên gắn liền với ruộng bậc thang, đầm hồ sông suối, núi rừng hùng vĩ, giá trị nguyên sơ của rừng nguyên sinh, cùng hệ thống thảm thực vật, động vật quý hiếm. Tài nguyên du lịch tự nhiên có thể khai thác phát triển các loại hình du lịch sinh thái thăm quan, nghỉ dưỡng, thể thao, chữa bệnh..

- Tài nguyên văn hóa: Là một tỉnh miền núi đa dân tộc với bề dày lịch sử và văn hóa phong phú, đa dạng với trên 40 dân tộc cùng sinh sống. Nhà ở, tập quán sản xuất, đời sống văn hóa của đồng bào ở mỗi vùng có những nét đặc thù riêng. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 119 di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, các lễ hội truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa của các dân tộc, các làng nghề truyền thống nổi tiếng,...

Đặc biệt, Yên Bái có những tài nguyên có giá trị nổi bật đủ điều kiện xây dựng các sản phẩm du lịch định vị được trên thị trường quốc tế, như: Di tích quốc gia đặc biệt Ruộng bậc thang Mù Cang Chải; nghệ thuật Xòe Thái - Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại được UNESCO công nhận và ghi danh di sản tiêu biểu năm 2022,... Tài nguyên du lịch còn nguyên sơ, chưa bị tàn phá, đô thị hóa, đồng thời phù hợp với xu hướng du lịch của thế giới và Việt Nam sau dịch bệnh COVID-19 và trong tương lai.

II. THỰC TRẠNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI

1. Kết quả thu hút đầu tư

Trong thời gian qua, công tác thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả khả quan, môi trường đầu tư, kinh doanh ngày càng được cải thiện; việc thu hút đầu tư đã góp phần khai thác và phát huy được những tiềm năng, lợi thế của tỉnh về đất đai, khí hậu, vùng nguyên liệu, tài nguyên thiên nhiên,...

Kết quả thu hút đầu tư đã đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm mới và thu nhập cho người lao động trên địa bàn tỉnh¹; tăng giá trị sản xuất công nghiệp²; đóng góp nguồn thu ngân sách nhà nước³, bảo đảm an sinh xã hội. Vai trò và sự đóng góp của khu vực kinh tế ngoài nhà nước vào sự phát triển chung của nền kinh tế ngày càng được nâng cao. Yên Bái hiện đang dần trở thành điểm đến có sức hấp dẫn và quan trọng trong chiến lược đầu tư kinh doanh của nhiều tập đoàn, doanh nghiệp hàng đầu trong nước. Các nhà đầu tư mới như: Tập đoàn BB Group, Tổng công ty Viglacera - CTCP, Flamingo Holding Group⁴ đã và đang quan tâm đầu tư vào tỉnh, đây sẽ là động lực lan tỏa trong thu hút đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới.

Tính đến tháng 3/2023, tỉnh Yên Bái có 611 dự án đã cấp chủ trương đầu tư còn hiệu lực⁵, tổng vốn đăng ký 94.882,8 tỷ đồng và 402,1 triệu USD, trong đó:

¹ Tạo việc làm mới: 2021 là 22.146; 2022 là 22.346, KH 2023 là 19.500 lao động.

² Giá trị sản xuất công nghiệp: 2021 là 14.243 tỷ đồng; 2022 là 15.540 tỷ đồng; KH 2023 là 16.900 tỷ đồng.

³ Thu ngân sách: 2021 là 4.395 tỷ đồng; 2022 là 4.616,7 tỷ đồng. KH 2023 là 5.200 tỷ đồng.

⁴ Khai thác, chế biến khoáng sản; đầu tư hạ tầng khu công nghiệp; hạ tầng khu du lịch,...

⁵ Trong đó: 37 dự án FDI/611 dự án, chiếm 6% tổng số dự án; tổng vốn đăng ký tương đương 11.277 tỷ đồng.

Lĩnh vực nông lâm nghiệp thủy sản 48 dự án, tổng vốn đăng ký 5.270,7 tỷ đồng và 78,6 triệu USD, chiếm 7,9% số dự án, 6,8% tổng vốn đầu tư; Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng: 452 dự án, tổng vốn đăng ký 67.910,3 tỷ đồng và 319,5 triệu USD, chiếm 74% số dự án và 72,3% tổng vốn đầu tư; Lĩnh vực thương mại dịch vụ và du lịch: 111 dự án, tổng vốn đăng ký 21.685,3 tỷ đồng và 4,0 triệu USD, chiếm 18,2% số dự án và 20,9% tổng vốn đầu tư. Chi tính riêng trong các Khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn tỉnh có 84 dự án đầu tư được cấp chủ trương đầu tư còn hiệu lực, với tổng mức đầu tư đăng ký 14.973,14 tỷ đồng (trong đó: 15 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký 2.341 tỷ đồng; 68 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký 12.477 tỷ đồng).

Trong tổng số các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư có 287 dự án đã đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động sản xuất, chiếm 47% số dự án; 278 dự án đang triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý, tổ chức thi công xây dựng, chiếm 46,3% tổng số dự án (177 dự án bảo đảm tiến độ, chiếm 63,7% số dự án, 101 dự án chậm tiến độ so với chủ trương đầu tư đã được cấp, chiếm 36,3% số dự án); 41 dự án đang tạm dừng hoạt động do chưa hoàn thiện các thủ tục pháp lý; chưa có thị trường tiêu thụ sản phẩm,... chiếm 6,7% số dự án).

2. Thực trạng các yếu tố tác động và chính sách nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư

2.1. Các yếu tố tác động đến thu hút đầu tư

2.1.1. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật

- *Hạ tầng giao thông vận tải:* Nhìn chung, mạng lưới giao thông đã từng bước được cải tạo, nâng cấp, đầu tư xây dựng mới, tuy nhiên vẫn chưa đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- *Hạ tầng cấp nước, xử lý nước thải khu, cụm công nghiệp:* Các khu, cụm công nghiệp (CCN) khi lập quy hoạch đều có quy hoạch hệ thống cấp nước, xử lý nước thải, tuy nhiên thực tế đầu tư xây dựng chưa đạt được như quy hoạch được duyệt. Các CCN khác trên địa bàn cơ bản chủ động khai thác nguồn nước tại chỗ của từng cơ sở sản xuất hoặc kết nối với hệ thống cấp nước của các đô thị lân cận. Các nguồn nước thải công nghiệp phát sinh trên địa bàn tỉnh cơ bản được thu gom, xử lý trước khi thải ra môi trường.

- *Hạ tầng điện lực:* Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 25 nhà máy thủy điện đang vận hành với tổng công suất 516,9 MW; Lưới điện phân phối trên địa bàn tỉnh có 06 TBA 110 kV với 9 máy biến áp tổng công suất 299 MVA. Nhìn chung độ tin cậy cung cấp điện chưa tốt, khả năng hỗ trợ cấp điện giữa các lộ đường dây chưa cao; còn chưa đảm bảo công suất nguồn điện và cấp điện liên tục đối với các khu, CCN và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

- *Hạ tầng cung ứng xăng dầu:* Hiện nay chỉ có các cửa hàng bán lẻ xăng dầu tiếp nhận và cung ứng trực tiếp xăng dầu đến người tiêu dùng. Trên địa bàn tỉnh có 125 cửa hàng bán lẻ xăng dầu được phân bố trên các địa bàn huyện, thị xã, thành phố cơ bản đảm bảo đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất, vận chuyển trên địa bàn.

- *Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông:* Duy trì mạng viễn thông cố định, mạng di động; cung cấp dịch vụ truyền số liệu, Internet, phát triển dịch vụ

cố định vô tuyến, dịch vụ IPTV (Internet Protocol Television) và các dịch vụ giá trị gia tăng...; đã đầu tư xây dựng, nâng cấp, phát triển mạng lưới, ứng dụng công nghệ mới, hiện đại (công nghệ NGN, mạng di động 3G/4G, sắp tới là 5G (chưa được đưa vào sử dụng). Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông (nền tảng hạ tầng số) về cơ bản đáp ứng đầy đủ các nhu cầu phát triển dịch vụ hiện tại, có khả năng nâng cấp để đáp ứng các dịch vụ mới, đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.1.2. Hệ thống hạ tầng xã hội (bao gồm các công trình phục vụ cho các nhu cầu có tính chất xã hội) như: Quy mô và thị trường hoạt động của các chi nhánh ngân hàng, quỹ tín dụng không ngừng được mở rộng. Việc đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng xã hội toàn diện (Nhà ở, giáo dục, y tế, cơ sở dịch vụ vui chơi giải trí, thông tin, văn hóa đặc biệt là dịch vụ ngân hàng và bảo hiểm,...) góp phần thu hút phần lớn lực lượng lao động, từ đó tạo động lực cho quá trình thu hút đầu tư, tạo nền tảng để nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư.

2.1.3. Môi trường đầu tư kinh doanh

Các cấp, ngành trong tỉnh đã đồng hành, hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư trong việc thực hiện các thủ tục đầu tư và tổ chức triển khai thực hiện dự án bước đầu đã góp phần cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư như:

- Đã thường xuyên tổ chức gặp mặt, đối thoại, trao đổi giữa lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo các cấp, các ngành và cộng đồng doanh nghiệp trong các lĩnh vực thực hiện đầu tư, sản xuất, kinh doanh như thuế, đất đai, xây dựng cơ bản, khoáng sản, thuế, phí, lệ phí, hỗ trợ lãi suất tín dụng,... qua đó chỉ đạo giải quyết các kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư một cách quyết liệt, kịp thời.

- Thực hiện đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ, trực tiếp làm việc với các nhà đầu tư đã và đang nghiên cứu, khảo sát, chuẩn bị đầu tư; hỗ trợ hoàn thiện các thủ tục hành chính về đầu tư và các thủ tục pháp lý sau khi được cấp chủ trương đầu tư để nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án.

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư song hành với mục tiêu xúc tiến đầu tư, tư vấn hỗ trợ lập dự án miễn phí cho các nhà đầu tư⁶ góp phần tạo nên điểm mới trong thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

2.1.4. Nguồn nhân lực: Yên Bái có cơ cấu dân số trẻ nhưng nguồn nhân lực công nghiệp trên địa bàn tỉnh còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng. Trình độ kỹ thuật và kỷ luật lao động của phần đông lực lượng lao động tương đối thấp, dẫn đến khó thu hút đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất chế biến, chế tạo. Hơn 60% dân số làm việc trong lĩnh vực nông - lâm - thủy sản, có năng suất và thu nhập thấp.

2.2. Các chính sách thu hút đầu tư

2.2.1. Lựa chọn dự án đầu tư

Việc thẩm định, lựa chọn dự án đầu tư trên cơ sở phù hợp với quy định của Luật Đầu tư và các quy định có liên quan; phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương; các quy hoạch chuyên ngành có liên quan.

⁶ từ một số công tác tư vấn cần phải đo đạc thực địa, lập bản đồ,...

Việc thẩm định, lựa chọn dự án đầu tư trên tất cả các lĩnh vực; chưa chú trọng tập trung vào lĩnh vực cụ thể.

Thực hiện lựa chọn dự án đầu tư theo định hướng Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 10/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (về tăng cường thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Yên Bái), trong đó xác định: Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án có công nghệ cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, thân thiện với môi trường. Tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược, có năng lực, kinh nghiệm triển khai thực hiện các dự án đầu tư có quy mô lớn, có tính định hướng, dẫn dắt, tạo sức lan tỏa trong các lĩnh vực công nghiệp, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp.

2.2.2. Xúc tiến đầu tư

Đã triển khai thực hiện hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư, cụ thể: Hằng năm, tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư bám sát 08 nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư để triển khai các phương thức xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp và các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh,...; Thường xuyên cập nhật thông tin các phương tiện thông tin đại chúng; Tổ chức làm việc với một số nhà đầu tư, tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước để giới thiệu tiềm năng, thu hút đầu tư các dự án vào tỉnh⁷. Lòng ghép nội dung quảng bá tiềm năng, thế mạnh, hoạt động xúc tiến đầu tư trong các hoạt động đối ngoại, các đoàn lãnh đạo tỉnh⁸ tạo cơ hội kết nối trực tiếp, đối thoại giữa địa phương và các doanh nghiệp nước ngoài.

Ban hành danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh thuộc các lĩnh vực nhằm kêu gọi 100% vốn của nhà đầu tư, thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị đối với các dự án lĩnh vực nông, lâm nghiệp phù hợp với định hướng, quy hoạch, mục tiêu thu hút và tiềm năng lợi thế của tỉnh.

2.2.3. Chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư: Tỉnh Yên Bái đã áp dụng đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, thuế,... Ngoài ra, để đẩy mạnh thu hút đầu tư, tỉnh đã ban hành một số chính sách cụ thể⁹ bước đầu được đưa vào thực tiễn, đến nay có 27 doanh nghiệp được hỗ trợ kinh phí từ các chính sách này.

2.2.4. Thủ tục hành chính: Tỉnh đã quan tâm, quyết liệt chỉ đạo cải cách các thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục liên quan đến đầu tư, thuế, xây dựng, giao đất, cho thuê đất. Các thủ tục hành chính đã được công bố công khai trên

⁷ Đại sứ quán các nước Ấn Độ, Ailen, Nhật Bản; Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA); Công ty TNHH Ninuma Việt Nam;...

⁸ tại Nhật Bản, Australia,...; Hội nghị “Diễn đàn hành lang kinh tế tiểu vùng Sông Mê Kông mở rộng (GMS) tại Côn Minh - Trung Quốc; Hội nghị triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Xúc tiến đầu tư” tại Lào Cai; Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt Nam (Việt Nam Expo),...

⁹ Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái đã ban hành một số chính sách riêng của tỉnh như: Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 14/4/2020 về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025; Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ban hành quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 ban hành một số chính sách về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 về một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025

các website của UBND tỉnh và các sở, ngành để người dân và doanh nghiệp dễ dàng nắm bắt và thực hiện. Đã ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020 trên địa bàn tỉnh¹⁰, theo đó cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục đầu tư 35-50% so với quy định của pháp luật.

2.2.5. Quản lý nhà nước về đầu tư

Đã ban hành hệ thống văn bản toàn diện và thống nhất nhằm định hướng thu hút đầu tư theo mục tiêu đã đề ra, dựa trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế của cả nước, vùng, tỉnh. Xây dựng hệ thống thông tin về đầu tư xuyên suốt, minh bạch và rõ ràng. Hỗ trợ giải đáp thắc của các nhà đầu tư trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Giai đoạn 2020-2022, đã có 175 dự án điều chỉnh chủ trương đầu tư làm cơ sở tiếp tục triển khai thực hiện dự án, trong đó: Năm 2020 là 54 dự án; năm 2021 là 67 dự án; năm 2022 là 54 dự án; đã rà soát, kiên quyết xử lý chấm dứt hoạt động, thu hồi chủ trương đầu tư 24 dự án (trong đó: 02 dự án FDI).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Về kết quả đạt được: Quy mô, chất lượng thu hút đầu tư từng bước được nâng lên. Đến hết tháng 3/2023, toàn tỉnh có 611 dự án đầu tư còn hiệu lực (trong đó: 38 dự án FDI), tổng vốn đăng ký 94.882,8 tỷ đồng và 402,1 triệu USD; đã có một số nhà đầu tư lớn, có năng lực, tiềm lực tài chính. Những kết quả thu hút đầu tư đã đóng góp quan trọng, tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tốc độ tăng trưởng GRDP tăng đều qua các năm, bình quân giai đoạn 2020-2022 đạt 7,86%/năm, đứng thứ 3/14 tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc; đẩy mạnh phát triển các thành phần kinh tế, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động và đóng góp ngày càng cao vào thu ngân sách của tỉnh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp. Đặc biệt trong những năm gần đây, xuất hiện ngày càng nhiều các dự án có quy mô vốn lớn đầu tư vào các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo góp phần tăng cường năng lực của các ngành công nghiệp trong tỉnh đã có tác động lan tỏa đến các ngành, các phân ngành khác của địa phương. Yên Bái đang dần trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Những thuận lợi trong thu hút đầu tư:

Tỉnh Yên Bái có nhiều tiềm năng điều kiện tự nhiên (đất đai, khí hậu, tài nguyên rừng và đa dạng sinh học, khoáng sản,...), tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa để thu hút đầu tư, phát triển sản xuất đa lĩnh vực từ nông lâm nghiệp, công nghiệp, du lịch, thương mại, dịch vụ, trong đó phải kể đến tiềm năng du lịch và hạ tầng đô thị.

Là cửa ngõ miền Tây Bắc, nằm trên trục điểm của hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh đã tạo điều kiện thuận lợi để Yên Bái tăng cường hội nhập và giao lưu kinh tế thương mại, phát triển văn hóa

¹⁰ tại Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 03/10/2022

xã hội... không chỉ với các tỉnh trong vùng, các trung tâm kinh tế lớn trong cả nước mà còn cả trong giao lưu kinh tế quốc tế.

Với diện tích tự nhiên lớn, nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú và đa dạng: than, khoáng sản kim loại (sắt, đồng, chì - kẽm, vàng, mangan,...), khoáng sản không kim loại (khoáng chất công nghiệp và vật liệu xây dựng: kaolin, fenspat, thạch anh, grafit, talc, đá vôi trắng, đá làm vật liệu xây dựng, cát, sỏi...), khoáng sản quý hiếm (đá quý các loại), nước khoáng, nước nóng và có mỏ đất hiếm được đánh giá trữ lượng lớn nhất khu vực, nước khoáng nóng,...) tạo điều kiện thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản, dịch vụ du lịch gắn với nguồn nước khoáng nóng,...

Diện tích đất rừng lớn, hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học phong phú làm cơ sở phát triển vùng nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản; phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm,...

Nguồn tài nguyên du lịch khá phong phú, hấp dẫn cả về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa, trong điều kiện hạ tầng giao thông kết nối ngày càng thuận lợi, du lịch ngày càng có nhiều tiềm năng triển vọng phát triển thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Đặc biệt với giá trị độc đáo của ruộng bậc thang, tạo nên loại hình du lịch đặc thù.

Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, môi trường đầu tư ngày càng thông thoáng, thuận lợi hơn đã thu hút được một số tập đoàn lớn, có uy tín nghiên cứu, khảo sát đầu tư vào một số lĩnh vực có lợi thế của tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

a) *Điều kiện tự nhiên và xã hội*: Là một tỉnh miền núi nằm sâu trong nội địa, không gần các trung tâm đô thị và kinh tế lớn; địa hình phức tạp, chia cắt mạnh, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, giao thông đi lại khó khăn cũng làm giảm sức hấp dẫn thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư đến với tỉnh Yên Bái.

b) Các dự án đầu tư

- Việc thu hút các ngành, lĩnh vực lợi thế của tỉnh còn hạn chế như: chế biến các sản phẩm nông, lâm, thủy sản; chế biến sâu khoáng sản; phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; thương mại dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch,...

- Các dự án chưa tập trung tại các khu, cụm công nghiệp của tỉnh mà phần lớn còn nằm ngoài các khu, cụm công nghiệp và tập trung tại một số huyện có điều kiện hạ tầng giao thông tương đối thuận lợi. Các huyện miền núi, vùng cao có điều kiện hạ tầng khó khăn thu hút số lượng các dự án đầu tư rất hạn chế.

- Đa phần các dự án có quy mô, vốn đăng ký đầu tư nhỏ. Các dự án chủ yếu có quy mô vốn dưới 50 tỷ đồng¹¹, chiếm 55% tổng số các dự án toàn tỉnh.

- Việc chấp hành pháp luật của Nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án còn hạn chế, đặc biệt là các quy định về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường,...

c) Các yếu tố tác động đến hiệu quả thu hút đầu tư

- Còn một số thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường,... chưa thực sự công khai, minh bạch. Tinh thần, thái độ, trình độ

¹¹ 336/611 dự án

chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của doanh nghiệp, nhà đầu tư vẫn còn có điểm hạn chế; Thời gian thực hiện các thủ tục pháp lý sau đầu tư (đất đai, xây dựng, môi trường) còn mất nhiều thời gian.

- Hệ thống quy hoạch hiện nay chưa đầy đủ (Quy hoạch tỉnh đang lập; quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia đang lập; hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn chưa đầy đủ; các quy hoạch xây dựng như quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết cũng chưa đầy đủ, đồng bộ). Mặt khác, giữa các quy hoạch còn chưa có sự đồng bộ, chưa đầy đủ số liệu, thông tin quy hoạch được số hóa (xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, các quy hoạch chuyên ngành), thông tin dự liệu đất đai chưa hoàn chỉnh.

d) Công tác quản lý các dự án sau chấp thuận chủ trương đầu tư

Công tác quản lý, theo dõi các dự án sau khi được chấp thuận đầu tư còn chưa thường xuyên, liên tục. Chính quyền địa phương chưa chủ động theo dõi, nắm bắt tình hình thực hiện dự án trên địa bàn dẫn tới nhiều dự án chậm đầu tư, không đầu tư, triển khai không đúng chủ trương đầu tư được duyệt nhưng chậm được phát hiện và xử lý; còn có nhà đầu tư nóng vội đã triển khai thực hiện khi chưa có đầy đủ thủ tục về đất đai, xây dựng, xây dựng không đúng giấy phép.

Công tác hỗ trợ, giúp đỡ các nhà đầu tư gặp khó khăn trong quá trình thực hiện dự án mặc dù đã được quan tâm nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư.

Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án còn gặp nhiều khó khăn, dẫn tới tiến độ thực hiện của nhiều dự án chậm.

Công tác thanh tra, kiểm tra nhất là công tác hậu kiểm chưa được quan tâm đúng mức. Số cuộc thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp tuy đã giảm nhưng vẫn có tình trạng một doanh nghiệp phải tiếp nhiều đoàn thanh tra, kiểm tra hàng năm.

đ) Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư: Các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư của tỉnh nhằm khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chưa đủ mạnh, chưa thực sự thu hút các nhà đầu tư, nhất là các nhà đầu tư lớn, tiềm năng.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân chủ quan

a) Về phía các cơ quan quản lý nhà nước

* *Đối với các dự án đầu tư:* Công tác thu hút đầu tư có lúc chỉ chú trọng thu hút số lượng các dự án, chưa quan tâm tới chất lượng, dẫn tới hiệu quả các dự án đầu tư chưa cao. Bên cạnh đó, định hướng thu hút đầu tư cũng chưa thực sự rõ ràng; chưa có quy định cụ thể tiêu chí để lựa chọn các dự án đầu tư.

Các nhà đầu tư đầu tư bên ngoài các khu, CCN đa phần phải tự thỏa thuận bồi thường, giải phóng mặt bằng, đây là nguyên nhân chính dẫn tới chậm tiến độ đầu tư của hầu hết các dự án, làm giảm hiệu quả đầu tư của các dự án đầu tư.

* *Các yếu tố tác động đến hiệu quả thu hút đầu tư*

- Mặc dù kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ thu hút đầu tư đã và đang được tiếp tục đầu tư, nâng cấp. Tuy nhiên, vẫn còn chưa đáp ứng được nhu cầu:

hạ tầng giao thông, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, điện do nguồn ngân sách tỉnh còn hạn hẹp, kinh phí bố trí cho đầu tư còn nhiều khó khăn; đồng thời chưa thu hút được nhiều các nhà đầu tư và kinh doanh hạ tầng có liên quan.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn trong việc thẩm định trình UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án có lúc còn chưa nhất quán. Một số cơ quan còn có tư tưởng chạy theo đề xuất của Nhà đầu tư, không thể hiện rõ quan điểm của đơn vị quản lý dẫn tới chất lượng thẩm định một số dự án chưa cao.

- Hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh còn chưa linh hoạt, mới chỉ tập trung quảng bá các lợi thế mà chưa cung cấp đầy đủ các thông tin dẫn đến quá trình triển khai thực hiện vẫn còn vướng mắc; việc nghiên cứu thị trường và xu hướng đầu tư của các tập đoàn kinh tế lớn, trọng điểm thu hút đầu tư chưa được quan tâm dẫn tới, chưa lựa chọn được các doanh nghiệp thực sự có hiệu quả.

- Công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư vẫn còn có bất cập, hạn chế dẫn tới có trường hợp nhà đầu tư triển khai thực hiện khi chưa đầy đủ thủ tục pháp lý, nhiều trường hợp cố tình vi phạm và bị xử lý vi phạm hành chính.

- Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công nghệ sản xuất phát triển ngày càng hiện đại.

** Công tác quản lý nhà nước các dự án sau chấp thuận chủ trương đầu tư*

- Các sở, ngành, UBND cấp huyện chưa chủ động phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra đối với các lĩnh vực có liên quan; một số trường hợp khi phát hiện có hành vi vi phạm hành chính, UBND cấp huyện còn lúng túng trong việc xử lý và báo cáo cơ quan nhà nước cấp trên để kịp thời kiểm tra, hướng dẫn, đề xuất xử lý hạn chế tối đa việc phát sinh những hậu quả nghiêm trọng.

- Công tác phối hợp giữa các ngành, địa phương trong công tác thu hút đầu tư còn hạn chế; người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quyết liệt, trách nhiệm chưa cao, chưa thể hiện rõ quan điểm, chính kiến thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý đối với đề xuất của nhà đầu tư; vẫn còn tình trạng tham mưu tháo gỡ cho nhà đầu tư thiếu sâu sát, không cụ thể, không trách nhiệm.

b) Về phía doanh nghiệp, nhà đầu tư

- Năng lực tài chính của nhiều nhà đầu tư còn hạn chế, nguồn vốn thực hiện dự án chủ yếu dựa vào vốn vay ngân hàng nên tiến độ triển khai nhiều dự án chậm; trình độ quản lý; nhiều doanh nghiệp thiếu kỹ năng tiếp thị, quảng bá sản phẩm, dịch vụ nên khả năng gắn kết, tham gia thị trường còn hạn chế.

- Việc hợp tác đầu tư giữa các đối tác của một số nhà đầu tư còn thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, việc thực thi các cam kết về góp vốn để thực hiện một số dự án chưa được các bên thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ.

- Trình độ nhận thức, hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của một số nhà đầu tư chưa tốt dẫn tới vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan; có trường hợp nhà đầu tư cố tình vi phạm (xây dựng khi chưa hoàn thiện các thủ tục thuê đất; xây dựng khi chưa được cấp phép, xây dựng sai giấy phép; gây ô nhiễm môi trường,...).

- Nhiều doanh nghiệp đang trong giai đoạn được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư nên chưa có nhiều đóng góp cho ngân sách. Bên cạnh đó, nhiều dự án sản xuất chủ yếu là sản phẩm thô, giá trị gia tăng thấp nên mức độ đóng góp cho ngân sách chưa cao; một số doanh nghiệp ngoài tỉnh không thực hiện hạch toán, kê khai thuế tại tỉnh (thực hiện kê khai thuế tại trụ sở chính), ảnh hưởng tới thu ngân sách của tỉnh.

3.2. Nguyên nhân khách quan

- Vị trí địa lý của tỉnh không nằm gần các trung tâm kinh tế lớn như Hà Nội, Hải Phòng dẫn đến việc giao thương, vận tải, thu hút du lịch còn có hạn chế.

- Trong những năm qua, các chế độ, chính sách liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư như: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Kinh doanh bất động sản,... có hiệu lực thi hành nhưng các văn bản hướng dẫn có nhiều nội dung còn chồng chéo, chưa rõ ràng gây ra những lúng túng nhất định cho các cơ quan quản lý Nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, nhưng quy mô nền kinh tế còn nhỏ so với các tỉnh trong khu vực và cả nước¹² dẫn đến công tác thu hút còn theo chiều rộng, chưa tập trung thu hút trọng điểm.

- Theo quy định về chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án không thuộc diện nhà nước thu hồi đất, các doanh nghiệp, nhà đầu tư phải tự thỏa thuận với người dân cùng với nhận thức hạn chế của nhiều hộ dân tại khu vực các dự án là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án của các nhà đầu tư.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI GIAI ĐOẠN 2023-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRONG THỜI GIAN TỚI

Trong thời gian tới, dự báo tình hình thế giới có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường; cuộc xung đột kéo dài tại Nga - Ukraina, các lệnh trừng phạt của Mỹ và các nước Phương Tây đối với Nga; cạnh tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc; xu hướng bảo vệ mậu dịch của các nước lớn vẫn gia tăng; chuỗi cung ứng bị gián đoạn, giá dầu thô liên tục biến động, lương thực, thực phẩm và nhiều vật tư, nguyên liệu đầu vào tăng mạnh, lạm phát tăng cao đột biến ở hầu hết các quốc gia và đối tác lớn.

Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức mới, nặng nề hơn; những tồn tại, yếu kém vốn có của nền kinh tế, đã tích tụ từ lâu và trầm trọng hơn do tác động của đại dịch COVID-19 và các loại dịch bệnh, thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp, trái quy luật; giá cả hàng hoá, vật tư, nguyên liệu cho sản xuất, nhất là giá xăng dầu, chi phí đầu vào, vận tải tăng cao, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều doanh nghiệp,

¹² xếp thứ 56/63 cả nước và thứ 9/14 các tỉnh khu vực Trung du và Miền núi phía Bắc

ngành, lĩnh vực,... Ngoài ra, trong những năm tới phát huy hiệu quả của 16 Hiệp định tự do thương mại (FTA) mà Việt Nam đã ký kết với gần 60 đối tác, sẽ tác động lớn đến chính sách đầu tư, thương mại của Việt Nam nói chung và tỉnh Yên Bái nói riêng, đây vừa là thời cơ, vừa là thách thức.

Cơ cấu kinh tế của tỉnh tiếp tục dịch chuyển theo hướng tăng dần giá trị sản xuất công nghiệp, thương mại dịch vụ; ngoài ra, việc mở lại cửa khẩu đối với Trung Quốc sẽ là những điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư của tỉnh. Việc đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu, khai thác phát huy có trọng tâm, trọng điểm các điều kiện tự nhiên, văn hóa, bản sắc dân tộc, cùng với công cuộc chuyển đổi số 4.0 đang được triển khai mạnh mẽ, đồng thời việc tập trung lồng ghép các nguồn lực để củng cố, hoàn thiện cơ sở hạ tầng (giao thông, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, điện, xử lý chất thải,...) sẽ là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư.

Dự báo các ngành, nghề lĩnh vực sẽ tập trung thu hút trong thời gian tới: Phát triển các khu, cụm công nghiệp; các khu đô thị hiện đại nhưng vẫn mang đậm bản sắc dân tộc; phát triển các khu vực trung tâm thương mại, giải trí, nghỉ dưỡng, du lịch, dịch vụ cao cấp, hài hòa với bản sắc văn hóa của địa phương.

II. QUAN ĐIỂM

1. Tiếp tục đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư phục vụ phát triển nền kinh tế của địa phương, trong đó ưu tiên quy mô, hiệu quả các dự án đầu tư vào tỉnh; chuyển thu hút đầu tư từ bị động sang chủ động và chủ trương thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư, nhà đầu tư.

2. Thu hút các dự án đầu tư phải phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

3. Chú trọng kêu gọi, thu hút các dự án có quy mô lớn, sản phẩm có tính cạnh tranh cao, sử dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến; các dự án có đóng góp lớn cho ngân sách, các dự án an sinh xã hội; các dự án có tính lan tỏa cao trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Thu hút đầu tư phải gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; gắn với truyền thống, bản sắc văn hóa của địa phương; ưu tiên các dự án sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và năng lượng tái tạo. Kiên quyết từ chối các dự án sử dụng lãng phí tài nguyên, tiềm ẩn nguy cơ gây sự cố ô nhiễm môi trường; dự án không phù hợp với văn hóa của địa phương.

5. Khuyến khích đẩy mạnh liên kết giữa nhà đầu tư hình thành và phát triển các cụm liên kết ngành theo từng chuỗi giá trị.

III. ĐỊNH HƯỚNG

1. Về lĩnh vực thu hút đầu tư

1.1. Lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản: Phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng để thu hút các dự án theo hướng sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị. Thu hút các dự án phát triển chăn nuôi, thủy sản ứng dụng công nghệ cao theo hướng tập trung, quy mô lớn, ngoài khu dân cư, thân thiện với môi trường, đạt tiêu chuẩn thực phẩm sạch gắn với thị trường tiêu thụ; các dự án phát triển lâm nghiệp đa mục tiêu, phát huy thế mạnh chế biến gỗ rừng trồng; các dự án phát triển sản phẩm nông, lâm nghiệp gắn với phát triển du lịch.

Về địa bàn, khu vực phát triển nông nghiệp:

- Trồng trọt, chăn nuôi: Bố trí không gian theo hướng khai thác hiệu quả điều kiện đất đai, sinh thái và hạ tầng thủy lợi để hình thành phát triển các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn tập trung có năng suất, chất lượng cao. Tập trung xây dựng phát triển các vùng lúa vùng cây ăn quả, vùng chăn nuôi cung ứng sản phẩm nông sản đặc sản, chất lượng cao tại khu vực huyện Văn Chấn, Văn Yên, Trấn Yên, Lục Yên, Yên Bình. Trồng cây dược liệu tại khu vực huyện: Văn Chấn, Trạm Tấu, Mù Cang Chải.

- Thủy sản: Phát triển vùng nuôi trồng thủy sản chuyên canh với quy mô khoảng 500 ha tại các huyện: Yên Bình, Trấn Yên, Lục Yên, Văn Yên, Văn Chấn, thị xã Nghĩa Lộ, thành phố Yên Bái. Vùng nuôi cá nước lạnh khoảng 35 ha tại các huyện Văn Chấn, Mù Cang Chải, Lục Yên, Văn Yên, Trạm Tấu.

- Lâm nghiệp: Tập trung phát triển các vùng trồng cây lâm nghiệp, cụ thể: Trồng quế tại các huyện: Văn Yên, Trấn Yên, Văn Chấn, Lục Yên, Yên Bình; Trồng tre măng Bát Độ tại các huyện: Trấn Yên, Văn Yên, Lục Yên, Yên Bình; Trồng, thâm canh cây Sơn tra tại huyện Mù Cang Chải và huyện Trạm Tấu; Trồng cây Mắc ca tại các huyện Lục Yên, Văn Chấn, Mù Cang Chải; Trồng gỗ nguyên liệu, rừng trồng gỗ lớn (với các loài cây keo, bạch đàn, mỡ,...) tại huyện Lục Yên, Yên Bình, Văn Yên.

1.2. Lĩnh vực công nghiệp: Thu hút đầu tư các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường, quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao là thế mạnh của tỉnh, trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững. Huy động, lồng ghép các nguồn lực (bao gồm nguồn vốn nhà nước và nguồn vốn của các nhà đầu tư) để đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng thiết yếu các khu, cụm công nghiệp hiện có; thu hút các dự án thu gom và xử lý rác thải tập trung khu vực phía Tây của tỉnh.

Về địa bàn, khu vực phát triển công nghiệp: Thực hiện nhất quán chủ trương chỉ xem xét chấp thuận các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp vào các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch. Ngoài khu, cụm công nghiệp chỉ xem xét chấp thuận đối với các dự án lớn có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện khó khăn, các dự án có mục tiêu, quy mô khó bố trí sản xuất trong khu, cụm công nghiệp (dự án sản xuất vật liệu xây dựng; dự án khai thác, chế biến khoáng sản,...).

Về ngành nghề, sản phẩm công nghiệp ưu tiên thu hút: Ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực tham gia hiệu quả và cạnh tranh trong chuỗi giá trị, gồm:

- Khai thác gắn liền với chế biến sâu khoáng sản phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu nhằm khai thác tối đa hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên của địa phương như đá vôi trắng, đất hiếm, quặng sắt, chì - kẽm,...

- Chế biến nông, lâm, thủy sản phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, bảo đảm tiêu chuẩn đưa vào hệ thống phân phối trong nước, đặc biệt là phục vụ xuất khẩu với chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu mới.

- Sản xuất, phân phối năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

- Sản xuất, chế tạo linh kiện và thiết bị điện tử; linh kiện và thiết bị điện, trong đó ưu tiên sản xuất các sản phẩm điện tử công nghiệp, điện tử viễn thông, điện thoại di động, linh kiện điện tử phục vụ sản xuất và xuất khẩu.

- Các dự án cơ khí chế tạo máy móc, thiết bị và gia công kim loại, trong đó tập trung các ngành sản xuất khuôn mẫu cho công nghiệp điện, điện tử, công nghiệp ô tô; xe máy; máy động lực; máy nông nghiệp; máy móc sử dụng trong công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản.

- Các dự án sản xuất phần mềm. Đây là một trong số các lĩnh vực có hàm lượng chất xám cao nhất, tạo giá trị gia tăng lớn và không tiêu tốn tài nguyên, năng lượng cũng như không gây ô nhiễm môi trường.

- Các dự án trong ngành công nghiệp hóa dược, dược phẩm, công nghiệp sản xuất ứng dụng công nghệ cao như công nghệ nano, công nghệ sinh học.

1.3. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ: Phát triển đa dạng, linh hoạt các loại hình thương mại, dịch vụ với chất lượng cao. Hình thành một số khu dịch vụ tổng hợp cấp tỉnh, hạ tầng dịch vụ ở thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các trung tâm các huyện.

Về ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên thu hút: Tăng cường thu hút đầu tư vào các ngành dịch vụ theo hướng trọng tâm, trọng điểm, phát huy lợi thế liên kết vùng để thu hút các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao như: Vận tải, Logistics, dịch vụ thể thao, đầu tư trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chuyển đổi số, y tế, giáo dục và đào tạo,... Ưu tiên thu hút đầu tư đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại (bao gồm cả hệ thống chợ truyền thống và hệ thống hạ tầng thương mại hiện đại như trung tâm thương mại, siêu thị gắn với hệ thống siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, điểm bán hàng OCOP...); khách sạn cao cấp.

Về địa bàn, khu vực phát triển dịch vụ: Khu vực thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và khu vực các trung tâm huyện: Tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo hoàn thiện hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất thương mại; khách sạn cao cấp. Đầu tư nâng cấp cải tạo, xây dựng hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện lợi, trong đó tập trung đầu tư xây dựng gắn với chuyên đổi mô hình quản lý chợ; xây mới một số siêu thị hạng II và III năm độc lập hoặc trong các trung tâm mua sắm; khuyến khích, kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, cửa hàng và hệ thống bán buôn, bán lẻ phục vụ nhu cầu mua sắm, tiêu thụ hàng hóa của người dân và doanh nghiệp. Thúc đẩy phát triển cụm ngành vận tải và logistics của tỉnh.

1.4. Lĩnh vực du lịch: Thu hút phát triển du lịch xanh, bản sắc, hấp dẫn, có tính liên ngành, liên vùng, có trọng tâm, trọng điểm; xây dựng sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu và là một trong những điểm đến du lịch hàng đầu của tiểu vùng Tây Bắc, tạo nên hình ảnh và điểm đến đặc thù với thương hiệu là “điểm đến an toàn, thân thiện, đặc sắc, hấp dẫn, ấn tượng”.

Thu hút đầu tư hạ tầng du lịch đồng bộ, nhất là hệ thống nhà hàng, khách sạn, cơ sở lưu trú; khu vui chơi, giải trí đáp ứng nhu cầu của du khách trong và ngoài nước, phù hợp với bản sắc, tập quán của địa phương.

Về địa bàn, khu vực phát triển dịch vụ: Thu hút các dự án đầu tư phát triển du lịch xanh, thân thiện với môi trường tại 04 vùng du lịch trọng điểm của tỉnh gồm: Vùng hồ Thác Bà và sông Chảy (gồm huyện Yên Bình và Lục Yên); Vùng du lịch thành phố Yên Bái và phụ cận (gồm thành phố Yên Bái và phía Nam của huyện Trấn Yên); Vùng du lịch miền Tây của tỉnh (gồm huyện Văn Chấn, Mù Cang Chải, Trạm Tấu và thị xã Nghĩa Lộ); Vùng du lịch Trấn Yên - Văn Yên (gồm phía Bắc của huyện Trấn Yên và huyện Văn Yên).

1.5. Lĩnh vực đô thị: Tập trung thu hút, đầu tư xây dựng các dự án khu đô thị trên cơ sở phù hợp với các quy hoạch đã được phê duyệt, tập trung tại khu vực thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và địa bàn các huyện.

Danh mục các dự án ưu tiên, thu hút đầu tư: Chi tiết theo Phụ lục số II

2. Đối tác ưu tiên thu hút đầu tư

2.1. Đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Khuyến khích, thu hút, mời gọi các đối tác có thương hiệu toàn cầu, có năng lực tài chính, có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài, có tính liên kết sản xuất các sản phẩm phụ trợ tại địa phương; không khuyến khích các dự án đầu tư nước ngoài không có cam kết, bảo đảm đầu tư lâu dài tại tỉnh (các dự án nhỏ thuê lại nhà xưởng).

Không cố định theo quốc gia hay đối tác nào mà tùy theo lĩnh vực và công nghệ cụ thể dựa vào sự phát triển của lĩnh vực đó trên thế giới, thể mạnh, thị phần của các doanh nghiệp để nhận định năng lực đầu tư và mở rộng kinh doanh của nhà đầu tư, khả năng bền vững, hiệu quả của dự án đối với địa phương.

Không ưu tiên, thu hút các nhà đầu tư dựa quá nhiều vào đòn bẩy tài chính, thường hứa hẹn đầu tư quy mô rất lớn nhưng việc triển khai lại phụ thuộc quá lớn vào huy động vốn vay.

2.2. Đối với đầu tư trong nước

Ưu tiên kêu gọi các tập đoàn kinh tế lớn có tiềm lực tài chính, các doanh nghiệp thuộc Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) tham gia đầu tư vào tỉnh trong các lĩnh vực. Khuyến khích thành lập doanh nghiệp mới hoặc mở chi nhánh hạch toán độc lập tại tỉnh Yên Bái để triển khai các dự án qua đó góp phần tăng thu cho ngân sách địa phương.

Ưu tiên, thu hút các nhà đầu tư đảm bảo năng lực tài chính, cam kết đảm bảo đầu tư ổn định, lâu dài, đào tạo, sử dụng lao động địa phương. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong tỉnh triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo định hướng của tỉnh. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong tỉnh liên kết với các doanh nghiệp FDI để tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất.

3. Đối với dự án đầu tư: Các dự án đầu tư được xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư khi đáp ứng các tiêu chí sau:

- Về quy mô vốn đầu tư: Ưu tiên các dự án có suất đầu tư lớn, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Về năng lực của nhà đầu tư: Không xem xét chấp thuận đối với các nhà đầu tư không đáp ứng được năng lực tài chính, không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài

chính đối với Nhà nước nếu đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất. Ngoài ra, ưu tiên các nhà đầu tư có kinh nghiệm triển khai hiệu quả các dự án tương tự.

- Về lao động sử dụng: Ưu tiên thu hút dự án đầu tư sử dụng lao động hiệu quả, sử dụng lao động là người địa phương và lao động có kỹ năng nghề.

- Về hiệu quả kinh tế - xã hội: Các dự án được xem xét chấp thuận phải được đánh giá là có hiệu quả kinh tế - xã hội (trên các mặt: đóng góp cho ngân sách, hiệu quả sử dụng đất).

- Về công nghệ: Các dự án phải sử dụng công nghệ tiên tiến, không tiềm ẩn nguy cơ sự cố về môi trường; hạn chế sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định pháp luật.

4. Phát triển các khu, cụm công nghiệp: Phát triển khu, cụm công nghiệp (KCCN) bảo đảm phù hợp định hướng phát triển quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tạo điều kiện thuận lợi, tập trung nguồn lực, ưu tiên thu hút đầu tư vào hạ tầng khu, cụm công nghiệp. Coi đây là khâu đột phá chính để thu hút đầu tư, phát triển sản xuất công nghiệp tỉnh Yên Bái trong giai đoạn mới.

Tập trung thu hút trên địa bàn các huyện Trấn Yên, Văn Yên, thành phố Yên Bái một số khu, cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 2.000 ha bên hữu ngạn sông Hồng, dọc theo tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, kết nối với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (nút giao IC12, IC13, IC14, IC15). Không ưu tiên, thu hút đầu tư kinh doanh hạ tầng các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Trạm Tấu, huyện Mù Cang Chải¹³.

Hoàn thành thủ tục thành lập và lựa chọn nhà đầu tư hạ tầng đối với Khu công nghiệp (KCN) Trấn Yên; bổ sung quy hoạch Cụm công nghiệp (CCN) Hợp Minh, diện tích khoảng 37,4 ha (thành phố Yên Bái); mở rộng CCN Âu Lâu từ 50 ha lên 75 ha (thành phố Yên Bái),...

Đến năm 2025, hoàn thiện hạ tầng thiết yếu của các khu, cụm công nghiệp có hoạt động sản xuất công nghiệp. Hoàn thành việc di dời CCN Đầm Hồng ra khỏi khu vực thành phố Yên Bái. Đẩy mạnh xây dựng, hoàn chỉnh dần hạ tầng kỹ thuật của các Khu, CCN và ổn định diện tích các Khu, CCN đã quy hoạch. Huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư hệ thống hạ tầng thiết yếu: giao thông, thông tin, cấp điện, cấp nước,... giữa các Khu, CCN với các vùng sản xuất nguyên liệu, hàng hóa lớn của tỉnh.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Thực hiện quyết liệt, hiệu quả, đồng bộ các giải pháp nhằm tạo bước đột phá về thu hút đầu tư để đưa tỉnh Yên Bái trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, góp phần tạo động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc, quyết tâm đưa Yên Bái trở thành tỉnh khá vào năm 2025 và nằm trong nhóm tỉnh phát triển hàng đầu của vùng Trung du và miền núi phía Bắc vào năm 2030

¹³ do các CCN trên địa bàn này dự kiến có quy mô diện tích nhỏ (10 - 20 ha), địa hình chủ yếu là núi cao, chia cắt mạnh; ngoài ra, diện tích rừng phòng hộ, rừng tự nhiên lớn, nhiều danh lam thắng cảnh đặc sắc thích hợp phát triển du lịch, phát triển vùng nguyên liệu phục vụ ngành công nghiệp chế biến

- Tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế của tỉnh. Từng bước nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh góp phần phấn đấu tốc độ tăng trưởng sản phẩm (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt trên 7,5%/năm, đạt bình quân 9,5%/năm giai đoạn 2026 - 2030. GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt trên 65 triệu đồng; năm 2030 đạt trên 125 triệu đồng.

- Về cơ cấu kinh tế: Năm 2025, tỷ trọng nông - lâm - thủy sản trong GRDP chiếm 19,5%; công nghiệp - xây dựng chiếm 33,3%; dịch vụ chiếm 42,6%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,7%. Năm 2030, tỷ trọng đóng góp của các ngành vào GRDP lần lượt là 14,8% - 39,0% - 41,5% - 4,7%.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và năm 2030

- Phần đầu thu hút được bình quân 60 dự án đầu tư/năm, trong đó: Mỗi huyện, thị xã, thành phố thu hút được ít nhất 02 dự án đầu tư/năm; mỗi ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư tối thiểu 05 dự án/năm.

- Tổng vốn đầu tư của các dự án giai đoạn 2023-2025 đạt khoảng 18.500 tỷ đồng, chiếm 29-30% tổng vốn đầu tư toàn xã hội; giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 44.500 tỷ đồng, chiếm 35-37% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- 100% các dự án đầu tư hoàn thành các thủ tục về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường; được cấp giấy phép đối với lĩnh vực đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi đi vào hoạt động.

V. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Các ngành, đơn vị, địa phương tăng cường quán triệt, phổ biến các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, đề án về thu hút đầu tư để tạo sự thay đổi căn bản về nhận thức và hành động; tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp chủ yếu như sau:

1. Chỉ đạo, điều hành

Thành lập Ban Chỉ đạo về thu hút đầu tư của tỉnh do đồng chí Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh là Trưởng Ban Chỉ đạo; các tổ công tác, các bộ phận hỗ trợ đầu tư của tỉnh theo từng lĩnh vực, ngành nghề do đồng chí giám đốc các sở, ngành liên quan làm tổ trưởng để hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình nghiên cứu, khảo sát đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Thành lập các Tổ công tác hỗ trợ thu hút đầu tư của địa phương, phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành của tỉnh để hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình nghiên cứu, khảo sát đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn. Nghiên cứu thành lập bộ phận hỗ trợ đầu tư tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

Xây dựng và công khai rộng rãi quy trình giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến công tác khảo sát, nghiên cứu, đề xuất chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Lựa chọn các dự án đầu tư: Tiếp tục thực hiện chủ trương thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư theo hướng ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ hiện đại, có hàm lượng tri thức cao, thân thiện với môi trường, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên; khuyến khích các dự án công nghiệp chuyên dần từ gia công sang sản xuất; lựa chọn các nhà đầu tư lớn, có uy tín và năng lực tài

chính để tạo sức lan tỏa trong thu hút đầu tư, đồng thời chú trọng đến các dự án cơ quy mô vừa và nhỏ phù hợp với từng ngành kinh tế; thu hút một số ngành, nghề về khu vực nông thôn để giải quyết việc làm tại chỗ. Ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư có đóng góp lớn cho ngân sách, sử dụng nhiều lao động địa phương¹⁴ thực hiện các dự án tại các vị trí thuận lợi.

3. Cơ chế, chính sách

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư phát triển các khu du lịch, điểm du lịch và phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh; chính sách khuyến khích đầu tư các dự án trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; dự án nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa quy mô lớn theo chuỗi liên kết,...

Nghiên cứu xây dựng chính sách thu hút và sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, bác sỹ giỏi, nhân lực khoa học - công nghệ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật cao trong các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực.

Rà soát, bổ sung các quy định để quản lý chặt chẽ hoạt động chuyên nhượng dự án, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp, không để tình trạng “đầu tư chui”, “đầu tư núp bóng”; bổ sung cơ chế khuyến khích liên kết giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước để phát triển cụm liên kết ngành, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ, kinh nghiệm quản lý.

Thực hiện việc lựa chọn được các nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm; công khai, minh bạch và hiệu quả kinh tế, trong đó chú trọng đến công tác lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo đúng quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan.

4. Quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư

a) *Hạ tầng giao thông*: Tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống đường bộ với 06 trục phát triển (03 trục Bắc - Nam, 03 trục Đông - Tây); đường kết nối với các Khu, CCN; kết nối với tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Duy trì, nâng cấp hệ thống đường thủy, cảng thủy nội địa, đường sắt hiện có để đáp ứng nhu cầu vận chuyển.

b) *Hạ tầng khu, cụm công nghiệp*: Tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng các đang hoạt động (KCN phía Nam, KCN Âu Lâu, KCN Minh Quân); Lựa chọn nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm (cả năng lực tài chính và năng lực xúc tiến đầu tư) để triển khai xây dựng đồng bộ hạ tầng và kinh doanh hạ tầng các KCN, CCN, trước mắt là KCN Trấn Yên.

Đồng thời với việc quy hoạch, thu hút nhà đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp mới, phải phát triển hạ tầng đồng bộ về giao thông kết nối; hệ thống hạ tầng thoát nước mặt và xử lý nước thải công nghiệp bảo đảm tiêu chuẩn môi trường. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước hoàn thiện hạ tầng thiết yếu (giao thông, xử lý nước thải, rác thải) đối với các CCN trước đây do nhà nước đầu tư hạ tầng, không đủ điều kiện mở rộng để thu hút các nhà đầu tư

¹⁴ Tiền thuế đóng góp NSNN trên 10 tỷ đồng/năm; sử dụng trên 200 lao động.

hạ tầng; đôn đốc đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các CCN đã có chủ đầu tư hạ tầng để tạo quỹ đất thu hút đầu tư.

c) Cấp điện, nước: Thu hút đầu tư, bổ sung quy hoạch các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo: thủy điện, điện mặt trời, điện sinh khối, điện gió,...; các công trình cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất; đồng thời cải tạo, nâng cấp các hệ thống truyền tải bảo đảm ổn định.

d) Hạ tầng khác: Quan tâm đầu tư xây dựng hạ tầng thương mại, hạ tầng xã hội quanh các Khu, CCN (chợ, trường học, nhà ở công nhân); đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các khu đô thị tại thành phố Yên Bái và tại các huyện. Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh.

đ) Giải phóng mặt bằng và tái định cư: Ưu tiên bố trí vốn từ ngân sách nhà nước cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, xây dựng các khu tái định cư tạo mặt bằng sạch để triển khai các dự án (đặc biệt là trong các khu, cụm công nghiệp).

5. Cải thiện môi trường đầu tư, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

a) Cải cách thủ tục hành chính

Hàng năm, xây dựng kế hoạch cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm toàn diện, thiết thực, hiệu quả; Rà soát, kiểm tra, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, hết hiệu lực, không còn phù hợp để kiến nghị cấp thẩm quyền điều chỉnh, bãi bỏ; đồng thời, rà soát, đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính (TTHC), loại bỏ các thành phần hồ sơ không hợp lý.

Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, tập trung triển khai các nền tảng chuyển đổi số, ưu tiên các nhóm tiện ích phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Phấn đấu triển khai cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Yên Bái và Cổng Dịch vụ công quốc gia; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính qua cổng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích.

Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn và địa phương trong giải quyết TTHC. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận một cửa các cấp và tại các phòng, ban, đơn vị thường xuyên tiếp xúc, giải quyết công việc với doanh nghiệp, người dân đáp ứng yêu cầu về năng lực, phẩm chất và có tính chuyên nghiệp cao; xử lý nghiêm những cán bộ, công chức có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực trong giải quyết TTHC.

b) Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh

Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan căn cứ kết quả PCI công bố hàng năm thực hiện việc rà soát 10 chỉ số thành phần, 142 chỉ tiêu đánh giá PCI để có các giải pháp khắc phục những tồn tại, yếu kém, đặc biệt là các chỉ số có điểm số thấp hơn trung vị của cả nước, nằm cuối bảng xếp hạng.

Chủ động triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, nâng

cao chất lượng hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trong xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, đối tác, xây dựng thương hiệu.

Duy trì chất lượng, hiệu quả hoạt động “Ngày cuối tuần cùng dân và doanh nghiệp”; Chương trình “Cà phê doanh nhân”. Định kỳ tổ chức gặp mặt doanh nghiệp, hợp tác xã, thường xuyên đối thoại với doanh nghiệp kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện công tác khảo sát, đánh giá, chấm điểm và công bố kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương (DDCI).

Liên minh Hợp tác xã, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ, Hội nữ doanh nhân tỉnh tích cực, kịp thời truyền tải các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến nhà đầu tư, doanh nghiệp; phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành triển khai hiệu quả các hoạt động định hướng đầu tư, đào tạo nhân lực, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, tìm kiếm thị trường cho doanh nghiệp.

6. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác vận động, xúc tiến đầu tư và thu hút chọn lọc các dự án đầu tư

Triển khai xúc tiến đầu tư có mục tiêu theo hướng đa dạng hóa các hoạt động và phương thức xúc tiến đầu tư; chú trọng xúc tiến đầu tư tại chỗ. Tăng cường sự phối hợp, liên kết với các cơ quan Trung ương, các tỉnh bạn, giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các hiệp hội trong công tác xúc tiến đầu tư.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong nước và nước ngoài để nghiên cứu, trên cơ sở đó lập danh sách các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đã thực hiện đầu tư và chưa đầu tư tại tỉnh để Tổ công tác thu hút đầu tư của tỉnh tiếp xúc và mời gọi đầu tư.

Chủ động tiếp xúc, tìm hiểu, gặp gỡ với các đại sứ quán, thương vụ của nước ngoài ở Việt Nam, hoặc trực tiếp liên hệ với các tập đoàn đa quốc gia lớn; hoặc liên hệ với các đại sứ quán, thương vụ, đại diện đầu tư của Việt Nam ở nước ngoài để nhờ quảng bá tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Tranh thủ có hiệu quả sự hỗ trợ của các bộ, ngành trung ương trong công tác thu hút đầu tư đặc biệt là Trung tâm xúc tiến đầu tư khu vực phía Bắc - Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại Việt Nam tìm kiếm, thiết lập và xây dựng mối quan hệ hợp tác với các cơ quan ngoại giao, thương mại, đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các văn phòng đại diện của các tập đoàn và tổ chức kinh tế lớn tại Việt Nam.

7. Nguồn lực đầu tư

Cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách đầu tư kịp thời các công trình, dự án hạ tầng thiết yếu phục vụ thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội như: Bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư; hệ thống giao thông; thoát nước, xử lý nước thải tập trung; điện chiếu sáng, cây xanh; hạ tầng xã hội; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ theo chính sách khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Sử dụng 100% nguồn vốn của doanh nghiệp (vốn tự có, vốn huy động, vốn vay) để thực hiện các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh. Lồng ghép các nguồn

lực từ ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương) và huy động nguồn lực ngoài ngân sách. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các nhà đầu tư bằng nhiều hình thức đầu tư tham gia đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng trong khu, cụm công nghiệp.

8. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư; hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư

8.1. Quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư

Các sở, ngành, địa phương có sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động của doanh nghiệp, nhà đầu tư từ khâu chấp thuận đầu tư, sản xuất, thực hiện các nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Thực hiện quản lý chặt chẽ, kiên quyết trong việc yêu cầu nhà đầu tư thực hiện nghiêm các yêu cầu về bảo vệ môi trường, thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước, bảo đảm chế độ tiền lương, bảo hiểm, an toàn lao động đối với công nhân; kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm, xem xét chấm dứt hoạt động, thu hồi chủ trương đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

Nâng cao trách nhiệm của chính quyền cấp cơ sở (cấp huyện, cấp xã) đối với công tác quản lý, theo dõi các dự án đầu tư trên địa bàn; định kỳ hàng quý rà soát báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các dự án không triển khai thực hiện; chậm tiến độ,... để có giải pháp xử lý kịp thời; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

Tăng cường sự trao đổi, phối hợp cung cấp thông tin về các dự án đầu tư giữa các sở, ngành và UBND cấp huyện để cập nhật kịp thời các thông tin có liên quan; xây dựng phần mềm quản lý các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh để quản lý thống nhất, toàn diện các dự án tạo thuận lợi cho việc theo dõi, kiểm tra các dự án.

Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra đối với các dự án đầu tư trên các lĩnh vực, chú trọng kiểm tra các vi phạm của nhà đầu tư, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, khắc phục tình trạng phạt cho tồn tại.

8.2. Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ công tác hỗ trợ đầu tư, tiếp nhận và xử lý thông tin, phản ánh của doanh nghiệp, nhà đầu tư về khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó kịp thời tiếp nhận, xử lý, tham mưu cho lãnh đạo UBND tỉnh để chỉ đạo cơ quan, đơn vị liên quan xử lý những thông tin phản ánh của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Duy trì và đổi mới nội dung các buổi gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp định kỳ hàng quý và các buổi cafe doanh nhân (tổ chức theo chuyên đề). Nghiêm túc giải quyết các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp; nâng cao chất lượng công tác đối thoại với doanh nghiệp, giải quyết thực chất, dứt điểm các kiến nghị, vướng mắc của doanh nghiệp, công khai kết quả và theo dõi, giám sát chặt chẽ quá trình giải quyết các kiến nghị của doanh nghiệp.

Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện thực hiện công bố công khai, đầy đủ quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của huyện; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng; các chủ trương, chính sách, quy định

của nhà nước, của tỉnh; danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ, hữu ích cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp và xúc tiến đầu tư trong việc hỗ trợ, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp.

9. Nhiệm vụ và giải pháp khác

9.1. Thông tin, tuyên truyền

Các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh và các cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về môi trường đầu tư, kinh doanh, các chủ trương, chính sách của tỉnh đến tất cả các cấp, các ngành và cộng đồng các doanh nghiệp tạo sự đồng thuận, nhận thức chung về chủ trương nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư của tỉnh.

Trung tâm điều hành thông minh tỉnh, Báo Yên Bái, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thường xuyên xây dựng chuyên mục, chuyên đề về cải cách thủ tục hành chính, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (DDCI) và các chuyên mục khác; kịp thời biểu dương những đơn vị làm tốt trong công tác thu hút đầu tư, phê phán những cơ quan, đơn vị, cá nhân gây phiền hà, những nhiễu đối với các nhà đầu tư. Các ngành, các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tuyên truyền thực hiện cung cấp thông tin, xây dựng nội dung tuyên truyền bảo đảm sát với tình hình thực tiễn.

Các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác thông tin tuyên truyền đối với cán bộ, công chức và nhân dân về chủ trương, chính sách của tỉnh về nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư tạo sự đồng thuận của người dân về chủ trương thu hút đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

9.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới phương pháp quản lý, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý về phát triển nguồn nhân lực, có chính sách việc làm, thu nhập và các điều kiện sinh sống, định cư, chú ý các chính sách đối với bộ phận nhân lực chất lượng cao, nhân tài làm việc tại tỉnh; ưu tiên tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực và phát triển doanh nghiệp ở khu vực nông thôn nhằm chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động.

Đẩy mạnh việc liên kết đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp; khuyến khích phát triển đào tạo tại doanh nghiệp, đào tạo nghề trực tiếp tại dây chuyền sản xuất, bảo đảm trang bị cho người lao động những kỹ năng mà doanh nghiệp cần.

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản của tỉnh về phát triển nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nghiên cứu xây dựng Đề án về vấn đề việc làm trong bối cảnh CMCN 4.0 để nhận diện sự thay đổi, biến động của thị trường lao động.

9.3. Bảo đảm an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư, doanh nghiệp trước nguy cơ lây nhiễm dịch COVID-19

Các sở, ngành, địa phương chủ động có phương án, kịch bản và sẵn sàng kích hoạt các biện pháp phòng, chống dịch theo từng trạng thái; tuyệt đối không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

Tổ chức thực hiện tốt các chế độ, chính sách hỗ trợ, khắc phục khó khăn do dịch COVID-19, giúp các doanh nghiệp khắc phục khó khăn, yên tâm đầu tư sản xuất kinh doanh, đặc biệt các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp vay vốn để phục hồi sản xuất; chính sách gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất; chính sách miễn giảm thuế, tiền chậm nộp; ...

9.4. Bảo đảm củng cố và giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội

Bảo đảm củng cố và giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư yên tâm đầu tư sản xuất kinh doanh.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ mục tiêu, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực, theo chức năng, nhiệm vụ được chủ động tham mưu xây dựng các kế hoạch, chương trình đề cụ thể hóa Đề án. *(Bảng phân công các nhiệm vụ trọng tâm cho các sở, ngành, địa phương tại Phụ lục I kèm theo)*

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện Đề án; chủ động tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Đề án trong trường hợp cần thiết.

3. Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, chính quyền, đoàn thể các cấp thường xuyên cung cấp thông tin, tuyên truyền về các cơ chế, chính sách và hiệu quả thu hút đầu tư của tỉnh.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Yên Bái, các tổ chức chính trị, xã hội, xã hội nghề nghiệp phối hợp với các sở, ngành, địa phương tăng cường tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xã hội để tổ chức thực hiện Đề án.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định hiện hành./.



Phụ lục I

AGH HIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN ĐỂ AN NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI
GIAI ĐOẠN 2023-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 (Kèm theo Đề án)

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	2	3	4	5
I	Chỉ đạo điều hành			
1	Thành lập Ban chỉ đạo về thu hút đầu tư của tỉnh; các tổ công tác, các bộ phận hỗ trợ đầu tư của tỉnh theo từng lĩnh vực, ngành nghề để hỗ trợ nhà đầu tư từ khi nghiên cứu, khảo sát đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý II/2023
2	Xây dựng quy định trách nhiệm giải trình của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2023
3	Thực hiện khảo sát sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan quản lý nhà nước	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Định kỳ hàng năm
4	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước	Sở Nội vụ	Các cơ quan liên quan	Định kỳ hàng năm
5	Tổ chức gặp mặt các doanh nghiệp, nhà đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan	Định kỳ hàng năm
II	Ban hành cơ chế, chính sách			
1	Xây dựng kế hoạch thu hút đầu tư vào địa bàn; Phần đầu thu hút được bình quân 60 dự án đầu tư/năm, trong đó: Mỗi huyện, thị xã, thành phố thu hút được ít nhất 02 dự án đầu tư/năm; mỗi ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư tối thiểu 05 dự án/năm.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở KHĐT và các cơ quan có liên quan	Hàng năm
2	Nghiên cứu ban hành tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư, dự án đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan	Năm 2023
3	Xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích đầu tư phát triển các khu du lịch, điểm du lịch và phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan	Năm 2023

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	2	3	4	5
4	Xây dựng danh mục các dự án hạ tầng khu, cụm công nghiệp (bao gồm cả tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan	Năm 2023
5	Quy định một số nội dung về đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan	Năm 2023-2025
6	Sửa đổi, bổ sung quy định về giao đất, cho thuê đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan	Năm 2023-2025
7	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, giảng viên cao đẳng, bác sỹ giỏi, nhân lực khoa học - công nghệ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật cao trong các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực	Sở Nội vụ	Các cơ quan liên quan	Năm 2023-2025
8	Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, thu hút đầu tư cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		Năm 2023-2025
III	Xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư			
1	Đề xuất các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ngành, cơ quan có liên quan	Hàng năm
2	Rà soát, đề xuất danh mục các dự án đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu dân cư	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, cơ quan có liên quan	Hàng năm
3	Đề xuất các tiểu dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ngành, cơ quan có liên quan	Hàng năm
4	Đề xuất xây dựng các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khác phục vụ thu hút đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, cơ quan có liên quan	Hàng năm
IV	Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chỉ số PCI			
1	Rà soát các thủ tục hành chính và công bố công khai trên website	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Định kỳ hàng năm

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	2	3	4	5
2	Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho CBCC tại bộ phận một cửa	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Hàng năm
3	Phát triển phần mềm một cửa dùng chung cho các cơ quan từ cấp tỉnh - cấp huyện - cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Hàng năm
4	Khảo sát đánh giá của doanh nghiệp với các sở, ngành trong việc thực hiện thủ tục hành chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Hàng năm
5	Thực hiện rà soát các chỉ số thành phần của PCI và đề xuất giải pháp khắc phục các chỉ số điểm thấp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Hàng năm
6	Đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, UBND các huyện, thành phố (DDCI)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Hàng năm
V	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			
1	Triển khai Kế hoạch đào tạo nghề và các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua đào tạo nghề giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Hàng năm
2	Thu thập hệ thống số liệu gắn với phân tích, dự báo và cung ứng dịch vụ thông tin thị trường lao động	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Hàng năm

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	2	3	4	5
3	Xây dựng Đề án nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp tỉnh Yên Bái đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Năm 2023-2025
4	Nghiên cứu xây dựng Đề án về vấn đề việc làm trong bối cảnh CMCN 4.0 để nhận diện ra sự thay đổi, biến động của thị trường lao động	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Năm 2023-2025
5	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch Yên Bái giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Năm 2023
VI	Xúc tiến đầu tư			
1	Nghiên cứu xây dựng danh sách các nhà đầu tư chiến lược (Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) và các tập đoàn đa quốc gia hàng đầu để xây dựng kế hoạch chủ động xúc tiến đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Năm 2023
2	Nâng cao năng lực cho bộ phận xúc tiến đầu tư thông qua việc cử đi đào tạo chuyên môn, ngoại ngữ, học hỏi kinh nghiệm ở các địa phương	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Hàng năm
3	Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
4	Phối hợp với Trung tâm xúc tiến đầu tư khu vực phía Bắc - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các nhà đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp, các cơ quan Trung ương, các tỉnh lân cận hoặc các tỉnh có điều kiện tương đồng với tỉnh Yên Bái để tổ chức, tham gia Hội nghị xúc tiến đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Năm 2023-2025

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	2	3	4	5
5	Tổ chức gặp mặt tôn vinh các nhà đầu tư lớn có nhiều đóng góp vào nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Năm 2023-2025
6	Rà soát các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư của tỉnh làm cơ sở kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Hàng năm
VII	Quản lý Nhà nước đối với các dự án đầu tư			
1	Định kỳ rà soát các dự án chậm đầu tư, không đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Định kỳ 6 tháng và hàng năm
2	Định kỳ rà soát các dự án chậm đưa đất vào sử dụng; không sử dụng đất để xem xét thu hồi đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Định kỳ 6 tháng và hàng năm
3	Tăng cường quản lý chấp hành pháp luật về xây dựng và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
4	Tăng cường quản lý chấp hành pháp luật về môi trường và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
5	Rà soát, đánh giá công nghệ đã sử dụng tại các dự án đang triển khai, kiến nghị biện pháp xử lý đối với các cơ sở sản xuất sử dụng công nghệ lạc hậu tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Năm 2023
6	Rà soát, phân công nhiệm vụ cụ thể, thống nhất theo dõi các dự án tại các địa phương	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan	Hàng năm
VIII	Công tác thông tin tuyên truyền			

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	2	3	4	5
1	Xây dựng và thực hiện các chuyên mục về cải cách hành chính, PCI và các chuyên mục khác	Báo Yên Bái, Đài PT-TH tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Thường xuyên
2	Tuyên truyền tạo sự thống nhất, đồng thuận của nhân dân đối với chủ trương nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư và thu hồi đất cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Báo Yên Bái, Đài PT-TH tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan	Thường xuyên



Phụ lục II

ANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN, THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2023 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 (Kèm theo Đề án)

Stt	Tên dự án	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Quy mô/ Thông số kỹ thuật	Diện tích sử dụng đất (ha)	Hiện trạng sử dụng đất	Vốn đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Dự kiến thời gian thực hiện	Hình thức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ						50.169.660			
I	Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản						1.270.000			
1	Dự án xây dựng vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng theo tiêu chuẩn FSC	Phát triển vùng nguyên liệu phục vụ ngành chế biến gỗ rừng trồng, ứng phó với biến đổi khí hậu	Huyện Lục Yên	Vùng nguyên liệu 100ha	100ha		420.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư, liên kết với các hộ kinh doanh	
2	Dự án trồng, sản xuất chế biến cây dược liệu	Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, phát triển vùng nguyên liệu	Các xã trên địa bàn huyện Mù Cang Chải	Vùng nguyên liệu 300ha	300ha		300.000	2023-2030	Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị	
3	Dự án đầu tư chăn nuôi gia súc, gia cầm công nghệ cao quy mô lớn	Đầu tư phát triển ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm	CCN Y Can, huyện Trấn Yên	Sản phẩm gia súc 1.000 con/năm; gia cầm 30.000 con/năm	05ha		200.000	2023-2025	100% vốn của nhà đầu tư	
4	Dự án phát triển vùng sản xuất Măng tre Bát Độ	Phát triển vùng trồng sản xuất Măng tre Bát độ phục vụ ngành công nghiệp chế biến, sản xuất thực phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong và ngoài nước	Các huyện Trấn Yên, Yên Bình, Lục Yên	Vùng nguyên liệu 500ha	500ha		150.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư, liên kết với các hộ kinh doanh	
5	Dự án đầu tư phát triển vùng nguyên liệu và chế biến cây dược liệu	Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu và xây dựng nhà máy chế biến cây dược liệu, tạo việc làm cho người lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.	Huyện Trấn Yên	3.000-5.000 tấn sản phẩm tươi/năm	500ha		100.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư gắn với phát triển vùng nguyên liệu	

Stt	Tên dự án	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Quy mô/ Thông số kỹ thuật	Diện tích sử dụng đất (ha)	Hiện trạng sử dụng đất	Vốn đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Dự kiến thời gian thực hiện	Hình thức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
6	Dự án trồng hoa, rau, củ, quả sạch công nghệ cao	Trồng và cung cấp hoa, rau, củ, quả hữu cơ với công nghệ cao, đáp ứng nhu cầu của người dân.	Các xã Nga Quán, Y Can, huyện Trấn Yên	50-100 tấn/năm	5-10ha		50.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
7	Dự án trồng và chiết xuất tinh dầu xả	Trồng, phát triển vùng nguyên liệu và chế biến chiết xuất tinh dầu xả	Các xã Bán Mù, Hát Lừu, Bán Công, Xã Hồ, huyện Trạm Tấu	Vùng nguyên liệu 100ha	100ha		50.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư gắn với phát triển vùng nguyên liệu	
II	Lĩnh vực công nghiệp						22.184.000			
II.1	Công nghiệp chế biến, chế tạo						8.760.000			
1	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gỗ MDF	Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất chế biến gỗ MDF với công nghệ, trang thiết bị hiện đại chế biến sản phẩm gỗ rừng trồng.	Huyện Yên Bình	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	25ha		1.880.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
2	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy lắp ráp linh kiện điện tử	Phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, tạo việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh.	KCN Âu Lâu; CCN Âu Lâu	300 triệu sản phẩm/năm	5-10ha		1.500.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
3	Dự án đầu tư xây dựng khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Xây dựng Yên Bái thành trung tâm sản xuất chế biến và xuất khẩu gỗ, lâm sản ngoài gỗ lớn ở khu vực các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc, góp phần thực hiện thành công cơ cấu lại ngành nông nghiệp	Xã Việt Cường, huyện Trấn Yên	- Khu công nghiệp chế biến gỗ, gỗ đồ mộc 80 -100ha; - Khu chế biến quế, măng tre Bát độ, dược liệu... 70-80ha; - Khu sản xuất giống 20-30ha	200ha		940.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	

Stt	Tên dự án	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Quy mô/ Thông số kỹ thuật	Diện tích sử dụng đất (ha)	Hiện trạng sử dụng đất	Vốn đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Dự kiến thời gian thực hiện	Hình thức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các chi tiết tiêu chuẩn, khuôn mẫu chính xác, vật liệu cắt gọt và gia công áp lực	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các chi tiết tiêu chuẩn, khuôn mẫu chính xác, vật liệu cắt gọt và gia công áp lực, tạo việc làm cho người lao động, phát triển công nghiệp tinh.	Khu, cụm công nghiệp	20.000 sản phẩm/năm	7-10ha		600.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
5	Dự án sản xuất viên gỗ nén	Đầu tư nhà máy sản xuất viên gỗ nén	CCN Bắc Văn Yên, huyện Văn Yên	150.000 tấn/năm	3 ha		580.000	2023-2025	100% vốn của nhà đầu tư	
6	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị cơ khí, khí cụ điện	Phát triển ngành công nghiệp cơ khí, tạo việc làm cho người lao động.	Khu, cụm công nghiệp	30.000 - 40.000 sản phẩm/năm	10-15ha		500.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
7	Dự án đầu tư phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm quế, gia vị quế, tinh dầu quế	Chế biến các sản phẩm quế, gia vị quế, tinh dầu quế	Huyện Văn Yên	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	Nhà máy: 10ha; Vùng nguyên liệu: 40.000ha		470.000	2023 - 2030	100% vốn của nhà đầu tư gắn với phát triển vùng nguyên liệu	
8	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chung cất tinh dầu quế	Xây dựng nhà máy chung cất tinh dầu quế đạt hàm lượng 99%, là đầu vào của các ngành công nghiệp sản xuất, chế biến dược phẩm, mỹ phẩm, sản xuất nước hoa, chế biến thực phẩm...	Huyện Văn Yên	150-200 tấn/năm	8-10ha		300.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
9	Dự án chế biến tinh dầu quế	Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến các sản phẩm từ quế nhằm cung cấp cho thị trường, tăng nguồn thu cho nhà đầu tư, giải quyết việc làm cho người lao động địa phương, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội.	Xã An Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	30 tấn/năm	0,7ha		300.000	2023-2025	100% vốn của nhà đầu tư	

Stt	Tên dự án	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Quy mô/ Thông số kỹ thuật	Diện tích sử dụng đất (ha)	Hiện trạng sử dụng đất	Vốn đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Dự kiến thời gian thực hiện	Hình thức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
10	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sứ vệ sinh, sứ dân dụng, gạch ốp lát và các loại vật liệu xây dựng cao cấp	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sứ vệ sinh, sứ dân dụng, gạch ốp lát và các loại vật liệu xây dựng cao cấp	KCN Minh Quân	500.000 sản phẩm/năm	5ha		300.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
11	Dự án đầu tư nhà máy giết mổ gia súc, gia cầm	Xây dựng nhà máy giết mổ gia súc, gia cầm quy mô 3ha.	Thành phố Yên Bái	Công suất 10.000 - 15.000 tấn thịt/năm	03-10ha		300.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
12	Dự án nhà máy sản xuất, chế biến gỗ cao cấp	Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gỗ	KCN Trấn Yên	300.000 sản phẩm/năm	5ha		300.000	2025-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
13	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phụ tùng, máy móc thiết bị về lĩnh vực chế biến nông lâm sản, khai thác khoáng sản	Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến phụ tùng, máy móc thiết bị cho các ngành công nghiệp chế biến, khai thác khoáng sản.	CCN Âu Lâu, TP Yên Bái	Trên 1.000 SP/năm	3-5ha		250.000	2023-2030	100% vốn nhà đầu tư	
14	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến Sơn Tra	Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến Sơn Tra, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, phát triển vùng nguyên liệu tại các xã trên địa bàn huyện Mù Cang Chải	Các xã trên địa bàn huyện Mù Cang Chải	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	2.500ha		140.000	2023-2030	Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị	
15	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ cao	Xây dựng nhà máy với dây chuyền sản xuất hiện đại, nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp trong cơ cấu tỷ trọng các ngành kinh tế.	CNN Yên Thế, huyện Lục Yên	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	Theo nhu cầu của nhà đầu tư		100.000	2023 - 2030	100% vốn của nhà đầu tư	
16	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, chế biến chè Shan tuyết	Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, phát triển vùng nguyên liệu	Các xã Púng Luông, Nậm Khắt, La Pán Tản, Đé Xu Phình	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	200ha		100.000	2023-2030	Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị	
17	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy giấy da xuất khẩu	Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, hỗ trợ sự phát triển cộng đồng	CCN Âu Lâu, TP Yên Bái	Công suất sản xuất 1 triệu đôi/năm.	5ha		100.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	

Stt	Tên dự án	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Quy mô/ Thông số kỹ thuật	Diện tích sử dụng đất (ha)	Hiện trạng sử dụng đất	Vốn đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Dự kiến thời gian thực hiện	Hình thức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
18	Dự án xây dựng Nhà máy chế biến nước quả Sơn Tra và quả có múi	Thành phố là trung tâm của tỉnh, giao thông tới các huyện thuận tiện để lấy nguồn nguyên liệu từ các xã vùng cao của tỉnh, cung cấp cho nhà máy chế biến các sản phẩm từ Sơn Tra và quả có múi để phục vụ nhu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh	CCN Âu Lâu, TP Yên Bái	Nước quả Sơn Tra: 70.000 lít/năm Chè Sơn Tra: 50 tấn/năm		Theo nhu cầu của nhà đầu tư	50.000	2023-2030	100% vốn nhà đầu tư	
19	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản	Xây dựng nhà máy nuôi trồng và chế biến thủy sản với sản lượng 3.000 lồng cá; 10.000 tấn/năm.	Huyện Yên Bình	Quy mô 3.000 lồng cá; Công suất 10.000 tấn/năm	02ha		50.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
II.2 Ngành sản xuất và phân phối điện							5.404.000			
1	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Mỏ	Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện tại các xã Nậm Lành, Nậm Mười, Sơn Lương, huyện Văn Chấn	Các xã Nậm Lành, Nậm Mười, Sơn Lương, huyện Văn Chấn	20MW	51ha		660.000	2023-2025	100% vốn của nhà đầu tư	
2	Dự án Nhà máy điện sinh khối	Đầu tư nhà máy điện sinh khối	CCN Bắc Văn Yên, huyện Văn Yên	75MW	12,37 ha		4.744.000	2023-2025	100% vốn của nhà đầu tư	
II.3 Ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải, rác thải							950.000			
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Xây dựng lò đốt xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các huyện Lục Yên, Yên Bình, Trấn Yên và Văn Yên, góp phần bảo vệ môi trường.	Huyện Yên Bình	200 tấn/ngày; công suất phát điện 3-4MW	10ha		480.000	2026-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
2	Dự án đầu tư xây dựng xây dựng nhà máy sản xuất nước sạch	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nước sạch tại xã Văn Hội	Xã Văn Hội, huyện Trấn Yên	25.000 m ³ /năm	3-5ha		350.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	

Stt	Tên dự án	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Quy mô/ Thông số kỹ thuật	Diện tích sử dụng đất (ha)	Hiện trạng sử dụng đất	Vốn đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Dự kiến thời gian thực hiện	Hình thức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
3	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nước sạch	Sản xuất nước sạch	Y Can huyện Trấn Yên	10.000m ³ /ngày đêm	01 ha		150.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
4	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nước sạch	Sản xuất nước sạch	Thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình	10.000m ³ /ngày đêm	01 ha		150.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
5	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nước sạch	Sản xuất nước sạch	Xã Phù Nham, TX Nghĩa Lộ	10.000m ³ /ngày đêm	01 ha		150.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
6	Dự án đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn nguy hại tại xã Y Can	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn nguy hại, góp phần bảo vệ môi trường.	Xã Y Can, huyện Trấn Yên	13 tấn/ngày	5-10ha		100.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
7	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Nhà máy xử lý chất thải rắn	Các huyện	10-50 tấn/ngày	2-5ha		50.000	2023-2025	100% vốn của nhà đầu tư	
II.4 Hạ tầng đô thị							7.070.000			
1	Dự án Phát triển quỹ đất thương mại dịch vụ thu hồi Chợ Km6 cũ, tổ dân phố số 2, phường Yên Thịnh	Chuyển đổi từ mô hình chợ truyền thống sang Trung tâm mua sắm và cho thuê văn phòng, đảm bảo mỹ quan đô thị, xây dựng phường đạt chuẩn văn minh, thành phố đạt đô thị loại II	Phường Yên Thịnh (chợ phường Yên Thịnh), TP Yên Bái	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	0,14ha	Đã có quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	70.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
2	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới xã Giới Phiên	Xây dựng khu đô thị mới của thành phố bao gồm chức năng nhà ở, nhà ở xã hội, dịch vụ thương mại, tiện ích công cộng... đưa thành phố Yên Bái hướng đến trở thành đô thị hai bên sông Hồng	Xã Giới Phiên, TP Yên Bái	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	49,9ha	- Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030: Đã có; Hình thức đầu tư: Đấu giá quyền sử dụng đất.	2.000.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	

Stt	Tên dự án	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Quy mô/ Thông số kỹ thuật	Diện tích sử dụng đất (ha)	Hiện trạng sử dụng đất	Vốn đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Dự kiến thời gian thực hiện	Hình thức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
3	Các dự án phát triển khu đô thị, nhà ở	Xây dựng khu đô thị mới, nhà ở,...	Thành phố Yên Bái và các huyện, thị xã	Theo quy hoạch được phê duyệt		Đấu giá, đấu thầu	5.000.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
III	Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ - Du lịch						6.470.000			
III.1	Kinh doanh vận tải, kho bãi						2.700.000			
1	Dự án đầu tư cảng thủy nội địa	Đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa với chức năng cảng hàng hóa tổng hợp và các dịch vụ hỗ trợ	Xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Hạng II	20 ha		800.000	2023-2030		
2	Dự án đầu tư xây dựng bến thủy nội địa và Trung tâm Logistics	Xây dựng bến thủy nội địa và trung tâm logistics gần KCN Minh Quân và nút giao IC12, hoàn thiện hệ thống hạ tầng logistics, thúc đẩy giao thương.	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên	Hạng II	30ha		900.000	2026-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
3	Dự án đầu tư xây dựng tuyến cáp treo Tà Chì Nhù, Tà Xùa, Bản Công, xã Xả Hồ	Đầu tư xây dựng tuyến cáp treo phục vụ du lịch, đảm bảo bãi đỗ xe phục vụ khách du lịch tham quan, nghỉ dưỡng	TT Trạm Tấu, xã Xả Hồ, xã Bản Công	1.500 khách/ngày	100ha		1.000.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
III.2	Dịch vụ lưu trú và ăn uống						3.670.000			
1	Dự án đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Bản Hốc, thị trấn Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn	Thu hút du lịch của huyện, thu hút đầu tư, phát triển và bảo tồn giá trị văn hóa, nâng cao đời sống của người dân.	Thị trấn Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	52ha		900.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
2	Dự án đầu tư khu nghỉ dưỡng Mù Cang Chải Legent	Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, cung cấp các dịch vụ du lịch hỗ trợ, góp phần ổn định sinh kế, giảm nghèo nhanh và bền vững	Xã Nậm Khắt huyện Mù Cang Chải	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	130ha		900.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	

Stt	Tên dự án	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Quy mô/ Thông số kỹ thuật	Diện tích sử dụng đất (ha)	Hiện trạng sử dụng đất	Vốn đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Dự kiến thời gian thực hiện	Hình thức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
3	Dự án đầu tư khu nghỉ dưỡng bán Lim Thái, xã Cao Phạ	Đầu tư khu du lịch nghỉ dưỡng, góp phần tạo việc làm, ổn định sinh kế, giảm nghèo bền vững.	Xã Cao Phạ, huyện Mù Cang Chải	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	150ha		750.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
4	Dự án đầu tư xây dựng khu du lịch bình nguyên xanh Khai Trung	Phát triển du lịch sinh thái, khám phá hang động, thác nước; du lịch tâm linh, lễ hội. Bảo tồn các di sản văn hóa truyền thống, tạo việc làm, góp phần tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo, tạo sinh kế cho người dân phát triển bền vững, thúc đẩy phát triển du lịch, tăng cường quảng bá hình ảnh với du khách trong và ngoài nước.	Xã Khai Trung, huyện Lục Yên	Phát triển du lịch cộng đồng; xây dựng Khu trung tâm dịch vụ tổng hợp gồm trung tâm dịch vụ, nhà hàng, nhà dịch vụ lưu trú cộng đồng, Bulgalow, khu vui chơi, nâng cấp khu hang động...	47,1ha		300.000	2023 - 2025	100% vốn của nhà đầu tư	
5	Dự án đầu tư phát triển không gian văn hóa Suối Giàng	Thu hút du lịch của huyện, thu hút đầu tư, phát triển và bảo tồn giá trị văn hóa, du lịch sinh thái nâng cao đời sống của người dân.	Xã Suối Giàng, huyện Văn Chấn	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	1ha		200.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
6	Dự án đầu tư khu nghỉ dưỡng Mù Cang Chải (Mù Cang Chải Resort)	Phát triển du lịch sinh thái, khám phá, mạo hiểm, góp phần ổn định sinh kế, giảm nghèo nhanh và bền vững.	Các xã La Pán Tản, Chế Cu Nha, huyện Mù Cang Chải	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	8ha		200.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
7	Dự án đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng du lịch chăm sóc sức khỏe	Đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng, du lịch chăm sóc sức khỏe, phát triển du lịch sinh thái trải nghiệm	TT Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu	1.500 khách/ngày	3ha		150.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
8	Dự án phát triển du lịch trải nghiệm đỉnh Tà Xùa, Tà Chì Nhù	Đầu tư xây dựng thiết kế tour du lịch, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch trải nghiệm, khám phá	Các xã Bản Công, Xã Hồ huyện Trạm Tấu	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	40ha		120.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	

Stt	Tên dự án	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Quy mô/ Thông số kỹ thuật	Diện tích sử dụng đất (ha)	Hiện trạng sử dụng đất	Vốn đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Dự kiến thời gian thực hiện	Hình thức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
9	Dự án đầu tư xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng khoáng nóng	Phát triển du lịch nghỉ dưỡng sinh thái,	Xã Phù Nham, TX Nghĩa Lộ	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	40ha	LUC+HNK (quy hoạch TMD)	100.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
10	Dự án đầu tư xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái	Phát triển du lịch nghỉ dưỡng sinh thái,	Xã Nghĩa Lợi, TX Nghĩa Lộ	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	22,2ha	CSD+HNK (quy hoạch TMD)	50.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
III.3 Thương mại							100.000			
1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại phường Trung Tâm	Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại phục vụ nhu cầu của người dân, khách du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển thương mại - du lịch.	Phường Trung tâm, TX Nghĩa Lộ	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	1,37ha	LUC (quy hoạch TMD)	50.000	2023-2025	100% vốn của nhà đầu tư	
2	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm mua sắm và cho thuê văn phòng	Chuyển đổi từ mô hình chợ truyền thống sang Trung tâm mua sắm và cho thuê văn phòng; đảm bảo mỹ quan đô thị, xây dựng phường đạt chuẩn văn minh, thành phố đạt đô thị loại II	Phường Nguyễn Thái Học (chợ Nguyễn Thái Học), TP Yên Bái	Theo nhu cầu của nhà đầu tư	0,16ha	Đã có trong quy hoạch phân khu là đất thương mại dịch vụ	50.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
IV Lĩnh vực kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp							20.245.660			
IV.1 Khu công nghiệp							11.733.160			
a Các dự án đang thực hiện										
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp phía Nam	Hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp, thu hút các nhà đầu tư	Xã Văn Phú, TP Yên Bái và xã Phú Thịnh, Huyện Yên Bình		400		200.000	2023-2030	Đầu tư công, các nguồn vốn hợp pháp khác	

Stt	Tên dự án	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Quy mô/ Thông số kỹ thuật	Diện tích sử dụng đất (ha)	Hiện trạng sử dụng đất	Vốn đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Dự kiến thời gian thực hiện	Hình thức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Âu Lâu, tỉnh Yên Bái	Hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp	Xã Âu Lâu, TP Yên Bái		120		433.160	2023-2030	Đầu tư công, các nguồn vốn hợp pháp khác	
<i>b</i>	<i>Dự án dự kiến đầu tư mới</i>									
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Y Can, tỉnh Yên Bái	Hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp	Xã Y Can, huyện Trấn Yên		350		2.500.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Đông An, tỉnh Yên Bái	Hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp	Xã Đông An, huyện Văn Yên		350		2.500.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
3	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp	Xã Bảo Hưng, huyện Trấn Yên		339		2.100.000	2023-2025	100% vốn của nhà đầu tư	
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp	Xã Tân Linh và xã Yên Thắng, Huyện Lục Yên		221		2.000.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
5	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Thịnh Hưng, tỉnh Yên Bái	Hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp	Xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình		104		1.500.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
6	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Minh Quân	Hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp	Xã Minh Quân - huyện Trấn Yên		195,89		500.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
IV.2	Cụm công nghiệp						8.512.500			
<i>a</i>	<i>Các dự án đang thực hiện</i>									

Sĩt	Tên dự án	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Quy mô/ Thông số kỹ thuật	Diện tích sử dụng đất (ha)	Hiện trạng sử dụng đất	Vốn đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Dự kiến thời gian thực hiện	Hình thức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Cụm công nghiệp Bắc Văn Yên	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật để thu hút đầu tư.	Xã Đông Cường, huyện Văn Yên		55,0		139.900	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
2	Cụm công nghiệp Thịnh Hưng	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật để thu hút đầu tư.	Xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình		53,05		137.800	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
3	Cụm công nghiệp Sơn Thịnh	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật để thu hút đầu tư.	Xã Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn		58,76		109.700	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
4	Cụm công nghiệp Báo Đáp	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật để thu hút đầu tư.	Xã Báo Đáp, huyện Trấn Yên		20,0		45.200	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
5	Cụm công nghiệp Hưng Khánh	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật để thu hút đầu tư.	Xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên		20,0		48.200	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
6	Cụm công nghiệp Đông An	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật để thu hút đầu tư.	Xã Đông An, huyện Văn Yên		34,0		65.600	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
7	Cụm công nghiệp Âu Lâu	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật để thu hút đầu tư.	Xã Âu Lâu, TP Yên Bái		50		130.700	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
8	Cụm công nghiệp Yên Thế	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật để thu hút đầu tư.	Thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên		39,97		95.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
b	Dự án dự kiến đầu tư mới									
1	Cụm công nghiệp Minh Quân		Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên		75		245.200	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
2	Cụm công nghiệp Hợp Minh	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Phường Hợp Minh, TP, Yên Bái; xã Báo Hưng và Minh Quân, huyện Trấn Yên		37,4		344.300	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	

Stt	Tên dự án	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Quy mô/ Thông số kỹ thuật	Diện tích sử dụng đất (ha)	Hiện trạng sử dụng đất	Vốn đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Dự kiến thời gian thực hiện	Hình thức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
3	Cụm công nghiệp Phú Thịnh 3	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Xã Phú Thịnh, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình		75		690.500	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
4	Cụm công nghiệp Phú Thịnh 4	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình		75		690.500	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
5	Cụm công nghiệp An Thịnh	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Xã An Thịnh, huyện Văn Yên		30		276.200	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
6	Cụm công nghiệp Xuân Ái	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Xã Xuân Ái, huyện Văn Yên		35		322.200	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
7	Cụm công nghiệp Yên Hợp	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên		75		690.500	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
8	Cụm công nghiệp Bảo Minh	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Xã Bảo Hưng, Minh Quân, huyện Trấn Yên		60		552.400	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
9	Cụm công nghiệp Y Can	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Xã Y Can, huyện Trấn Yên		75		690.500	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
10	Cụm công nghiệp Bảo Hưng 2	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Xã Bảo Hưng, Minh Quân, huyện Trấn Yên		75		690.500	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
11	Cụm công nghiệp Tân Lĩnh	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên		75		690.500	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
12	Cụm công nghiệp Trạm Tấu	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Xã Bản Mù, huyện Trạm Tấu		10		92.100	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
13	Cụm công nghiệp Mù Cang Chải	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Xã Púng Luông, huyện Mù Cang Chải		10		92.100	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	

Stt	Tên dự án	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Quy mô/ Thông số kỹ thuật	Diện tích sử dụng đất (ha)	Hiện trạng sử dụng đất	Vốn đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Dự kiến thời gian thực hiện	Hình thức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
14	Cụm công nghiệp Tân Hợp	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Xã Tân Hợp, huyện Văn Yên		75		368.300	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
15	Cụm công nghiệp Thượng Bằng La, Văn Chấn	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn		50		184.100	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
16	Cụm công nghiệp Minh Quân 1	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình		75		690.500	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	
17	Cụm công nghiệp Minh Quân 2	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình		47,2		430.000	2023-2030	100% vốn của nhà đầu tư	

Ghi chú: Danh mục dự án, quy mô, tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư là dự kiến. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, tùy điều kiện cụ thể danh mục dự án sẽ được xem xét, bổ sung và triển khai phương án huy động các nguồn lực khác nhau để thực hiện các dự án, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quy định pháp luật hiện hành.